GIAO TIẾP PHI NGÔN NGỮ QUA HÔN NHÂN MỘT NÉT CỦA VĂN HOÁ CƠ CẤU TỘC VIỆT

DIỆP ĐÌNH HOA

1. Đầu đề

Tìm hiểu về một nét văn hoá cơ cấu tộc Việt tôi chọn trình bày những kết quả thực tế qua điều tra điền dã ở một làng quê vùng đồng bằng Bắc Bộ: Làng Sim. Đây là một trong hai làng gốc của lối hát quan họ cổ.

Làng Việt sở dĩ trường tồn qua bao thăng trầm biến động của lịch sử là vì chúng có một cơ cấu chặt. Cơ cấu hành chính thường buộc thay đổi theo sự thay đổi của các triều đại. Cơ cấu dựa vào việc trao đổi hôn nhân, theo cách nói dân gian, một giọt máu đào hơn ao nước lã, tuy vẫn phải chịu sự thay đổi, nhưng vẫn là một trong những cơ cấu bền chặt nhất trong việc tập hợp và tổ chức cộng đồng. Nghiên cứu về văn hoá cơ cấu của làng Việt, chúng ta thấy chúng được thể hiện trong một hệ thống gồm 3 phân chi:

A. Cơ cấu hành chính hay cơ cấu quan phương, cơ cấu chính thức.

B. Cơ cấu bán quan phương.

C. Cơ cấu phi quan phương. Cơ cấu qua giao tiếp phi ngôn ngữ qua trao đổi hôn nhân là một mặt quan trọng thuộc cơ cấu phi quan phương.

2. Khái quát thực tế ở làng Sim

Sim cũng được dân trong vùng gọi là thị, có nghĩa là chợ. Ngày xưa ở đây có chợ, còn lưu lại những tên đất như: Cầu chợ, Bãi chợ. Đó là tên tự gọi. Người ta thường gọi là Bịu Sim hoặc là Bịu Thị, để phân biệt với hai làng Bịu khác. Trên văn bản, thôn Hoài Thị là một trong 6 thôn, thuộc xã Liên Bảo, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Sim tên khoa học Rhodomyrtus Tomentosa, Wight, cũng là tên cây thuốc dân gian (01). Đồi Sim cho đến năm 1974 vẫn còn. Sim là một làng đồng chiêm trũng, cư dân sống tập trung trên đồi cao 5,6m, một làng quan họ gốc, kết chạ với làng Diềm ở Yên Phong (Hà Bắc cũ), nay là Bắc Ninh.

Liên Bão là một trong 27 xã của huyện Từ Sơn, cách Hà Nội theo quốc lộ số 1 khoảng 25km về phía bắc. Tư liệu đầu thế kỷ 19, chỉ thấy nói đến xã Hoài Bão có hai thôn Trung và Thị. Bái Uyên là một thôn ngang xã. Cuối thế kỷ 19, theo Đại Nam Nhất thống chí quyển 1a, xã Hoài Bão phân thành 3 xã: Hoài Bão thượng, Hoài Bão Trung, Hoài Bão Thị. Xã Hồi Bảo gồm hai xóm: Chè và dọc. Bái Uyên được nâng lên thành một xã. Trước năm 1945, chỉ còn 3 xã: Hoài Bảo, Hồi Bảo và Bái Uyên. Tháng 10/1946, 3 xã nhập lại thành một: Liên Bảo. Cần lưu ý về mặt chính tả có sự chưa phân biệt giữa Bảo và Bão, giữa Bịu và Bựu.

Về mặt hành chính, trong lối giao tiếp, vẫn còn vấn vương phong cách ứng xử truyền thống: phân biệt trong và ngoài. Về diện tích, xã làm việc với huyện theo văn bản pháp quy đã ban hành thống nhất trong cả nước, tính bằng ha. Mặt khác, khi xã làm việc với các thôn lại phải theo cung cách truyền thống: mẫu, sào, thước. Sai số do

xã tự điều chỉnh. Về tổ chức sản xuất, năm 1959 thành lập hợp tác xã thôn, 1966: hợp tác xã liên thôn, 1979: hợp tác xã toàn xã. Đến lúc Khoán 10, hình thức là hợp tác xã toàn xã, nhưng thực tế vận hành lại theo từng thôn. Sau khi xảy ra vụ tranh chấp ruộng đất giữa Bái Uyên và Hoài Trung, chủ trương chung là giữ nguyên trạng, các thôn về mặt sản xuất độc lập như một đơn vị tự hạch toán. Về mặt chính quyền có thêm một thôn trưởng, dưới sự giám sát của tổ hội đồng nhân dân. Phải chăng là sự quay về truyền thống ở một mức độ cao hơn.

Hội đồng nhân dân xã có 32 người, trong đó có 6 nữ, chiếm 17,82%. Hoài Thị có 3 người trong đó có 1 nữ. Trong uỷ ban cũng có 1 nữ, làm phó chủ tịch. Sáu trưởng thôn đều là nam (02). Uỷ ban có 9 người, toàn là nam. Cả xã có 10 máy xay xát, thì Hoài Thượng có 4, Bái Uyên có 2, các thôn khác mỗi thôn 1 chiếc. Riêng Hoài Thị không có chiếc nào. Diện tích tự nhiên toàn xã (03) 657,38ha, đất nông nghiệp 452,46ha, nhưng đất canh tác chỉ có 438,46ha. (Ba tư liệu do anh Vũ Sĩ Trường cung cấp. Thống kê của xã từ năm 1982).

Đất đai nhà nước phân thành 5 đẳng, nhưng xã làm việc với thôn lại chia thành 7: đẳng 1 và 2 thành loại 1 khi chịu thuế. Đẳng 6 và 7 thành loại 5 khi chịu thuế.

Bảng 1: **Sự phân chia đất đai của xã Liên Bảo**

STT	Cung cách sử dụng đất	Mẫu	Sào	Thước	Ghi chú
1	Thổ cư	178	00	05	
2	Đường sá	47	09	06	
3	Mương thuỷ lợi	193	05	07	
4	Ao hồ	117	07	08	
5	Nghĩa địa	25	07	10	
6	Lò gạch	2	05	10	
7	Ven đồi	2	06	04	
8	Núi chè	37	00	05	
9	Vườn cây	2	01	02	
10	Các loại sử dụng khác	3	09	09	

Diện tích này xã quản lý theo quy định pháp lý hiện hành. Ngoài ra còn có một số diện tích được gọi là khai hoang phục hoá. Vùng đất cổ này làm gì có đất hoang hoá, nhất là sau khoán 10, tấc đất tấc vàng đúng với nghĩa đen của thành ngữ. Đây là những diện tích đầu thừa đuôi thẹo, những ao hồ thùng đấu do lấy đất làm các công trình công cộng, những khu nghĩa địa lẻ loi, vì dân ở đây vẫn còn tôn trọng phong tục tập quán cũ, không có hiện tượng san đồng như ở Hà Nam hay một số xã ở Nghệ - Tĩnh. Những diện tích này thuộc thôn nào, thôn ấy quản lý, hoa lợi thu được chỉ dùng vào các việc công ích, thiếu thì dân đóng thêm.

Sở dĩ chọn 1989 là lấy hiện trạng, khi còn hợp tác xã toàn xã, Hoài Thị được điều chỉnh một số ruộng cho Hoài Trung để lấy đất loại 1,2 ở Vườn Giềng. Do cách quản lý cũ, Hoài Thị không canh tác ở Vườn Giềng, bỏ, người Hoài Trung cứ nghiễm nhiên dùng. Khi Khoán 10, nông dân quay trở lại tha thiết với ruộng đất, đúng ra thì Hoài Trung phải trả lại ruộng cho Hoài Thị. Ngược lại, Hoài Thị về phần mình, cũng được điều chỉnh một số đất mầu của Hoài Thượng, nhưng trước tình hình đó, lại không hoàn trả cho Hoài Thượng.

Cuộc tổng điều tra dân số đã được tiến hành 1-4-1989. Anh Vũ Sĩ Trường cũng đã có những bổ sung, hoàn thiện thêm hàng tháng, cho đến tháng 7/1990. Chúng tôi chọn số liệu ngày 1-1-1990, vì các số liệu sau cần thẩm tra thêm. Toàn xã có 6513 nhân khẩu, trong đó có 3468 nữ, 3045 nam. Thôn Hoài Thị có 761 nhân khẩu.

Ở độ tuổi từ 1-10, trong toàn xã thì số lượng nam ít hơn nữ, nhưng ở Hoài Thị thì ngược lại. Độ tuổi từ 11-20, cả xã cũng như ở Sim, số lượng nữ nhiều hơn nam. Cụ già nhất làng, 95 tuổi: cụ bà Hai Trung, ở Hoài Thượng. Nữ thọ thọ nam.

Ruộng đất của thôn Hoài Thị năm 1989

TT	Tên xứ đồng	Diện tích chung			Diện tích cấy			Các loại đẳng đất				
		Mẫu	Sào	Thước	Mẫu	Sào	Thước	1,2	3	4	5	6,7
1	Kem lúa	0	1	0		1			010			
2	Cầu Chợ	3	2	3	3	2	3		323			
3	Trước cửa dưới	6	9	13	3	5	10		3510			
4	Cây đa		9	10		9	10		9.10			
5	Đồng Ngàn	13	6	7	13	5	4			1354		
6	Ao Giỏ	17	4	2	17	1	12			17112		
7	Đồng lò mạ	3	5	12	0	0	00					
8	Đồng lò lúa	3	0	4	3	0	4			304		
9	Giàng Bờ	4	4	14	4	4	14			4414		
10	Giàng Vè	11	3	11	11	2	3			1123		
11	Hố Bom	2	8	12	2	8	12					2812
12	Cầu Tông	20	9	2	20	6	13					20613
13	Sau Ao	20	9	2	20	6	13				1710	
14	Ông Thú	8	4	0	8	4	0				840	
15	Đê Cụt	8	8	3	8	8	3				883	
	Tổng	122	9	3	115	1	13					

Một lao động nếu là nam được tính từ 18 đến 60 tuổi, nữ từ 18 đến 55 tuổi. Trong độ tuổi lao động, mỗi người được chia 3 khẩu phần ruộng. Quá trình lao động được mượn 10 thước đất mỗi khẩu. Dưới tuổi lao động được nhận một khẩu phần. Số lao động được chia ruộng là 305 người, 915 khẩu phần. Ngoài ra nam từ 18-45 tuổi, nữ từ 18-25 tuổi, mỗi năm phải làm 10 công nghĩa vụ. Những người tàn tật, bộ đội phục viên được miễn ba năm, học sinh... được trừ công nghĩa vụ. Năm 1989 Hoài Thị có 170 người nhưng chỉ phải đóng góp 1090 công. Năm 1990, 180 người, chỉ đóng góp 1200 công. Như vậy về mặt lý thuyết, qua thực tế Việt Nam, lý thuyết về dân số hoạt động kinh tế và không hoạt động trong kinh tế nông nghiệp cần phải được bổ sung. Dân số hoạt động kinh tế nông nghiệp được chia ruộng là điều dĩ nhiên, trong số đó một số quy định phải có lao động nghĩa vụ. Dân số không hoạt động trong kinh tế nông nghiệp, dĩ nhiên là được miễn lao động nghĩa vụ, nhưng trái lại họ vẫn được hưởng phần ruộng như một lao động hoạt động kinh tế.

Trước lúc Khoán 10, Hoài Thị có 151 hộ trong tổng số 1377 hộ, toàn xã. Hiện nay có 162 hộ. Khoán 10 về tận từng nhà thúc đẩy việc phân hộ. Mặt khác hiện tượng này cũng có liên quan mật thiết đến phần đất thổ cư sẽ được cấp cho mỗi hộ mới, để hợp lý

hoá công việc làm ăn. Trong số này có: 1 hộ cụ Thượng của làng, 85 tuổi mới mất, con gái theo chồng, coi như xoá hộ.

1. Hộ, cán bộ nữ về hưu, nhưng chưa chồng.

1. Hộ cụ già, không người chăm có, phải ghép hộ để có người chăm nom.

1 hộ gia đình thương binh liệt sĩ.

1 hộ cụ Thượng 84 tuổi, hợp tác xã nuôi, 70 kg lúa một vụ.

2 hộ trước Khoán 10 là hộ cá thể, sau Khoán 10 xin vào hợp tác.

4 hộ gia đình phi nông nghiệp, cán bộ về hưu. Cả gia đình sống vào lương.

8 hộ chồng thoát ly, công tác, có hộ riêng. Vợ ở nhà có hộ nông nghiệp.

Phân tích danh sách 162 hộ này, các chủ đều là họ Nguyễn. Thật ra ở Hoài Thị có 1 gia đình họ Ngô nhưng chủ hộ là vợ: họ Nguyễn - họ lâu đời ở địa phương; chồng là người miền Nam tập kết ra Bắc và 1 hộ người Thái ở rể.

3. Tình trạng hôn nhân qua tư liệu thống kê

Có 30 chủ hộ là nữ, 18,5%, nhưng con số này không có ý nghĩa gì lắm trong việc lý giải về vai trò của người phụ nữ trong gia đình. Căn cứ vào tình trạng hôn nhân của chủ hộ, chúng ta thấy có 97 trường hợp xây dựng với nhau trong cùng một làng, cùng xã, chiếm 61%. 59 trường hợp lấy vợ khác xã, khác tỉnh, chiếm 37% trong đó có trường hợp vợ là người Tày, Lạng Sơn, nhưng trong kê khai vẫn nhận là Việt. 3 trường hợp lấy chồng khác tỉnh, khác xã 1,88% về đây ở rể. Trong số 97 trường hợp vợ chồng cùng làng, xã, có 78 trường hợp xây dựng với nhau trong cùng làng Sim, chiếm 80,41% so với tổng số chiếm 49,05%, gần một nửa. Trong dân gian vẫn lưu truyền câu chuyện, khi đào giếng làng ở đầu làng xong thì con gái ở làng hay đi lấy chồng thiên hạ. Thực tế cho đến nay, trai đương thì ở các làng khác, lúc nông nhàn, đêm trăng đến chơi vẫn thường xảy ra những sự đụng độ.

Tìm hiểu qua sổ đăng ký kết hôn, chúng tôi không dùng số liệu từ 1985 trở về trước, vì không đầy đủ. Tại đây còn có tục lấy vợ lấy chồng sớm, cho nên người ta không cần tới thủ tục đăng ký, phạm luật, hơn nữa cũng không được cấp đất ở. Bảng 04. Thử nêu kết quả từ 1986 đến 1-1-1990 Mục 1 và 2 theo sổ đăng ký kết hôn. 1 ghi số liệu toàn xã, 2 ghi số liệu ở Hoài Thị, mục 3 là kết quả điều tra điền dã dân tộc học.

Năm	Số đám cưới			Trong cùng làng			Trong cùng xã			Khác xã			Trong	Khác tỉnh	
	1	2	3	1	2	3	1	2	3	1	2	3	tỉnh	1	2
1986	37	2	6	24	1	2		3	1		4		3	3	
1987	31	2	7	1		4		25	2		2		3		
1988	76	5	9	46		6	14	5	2	9		1	4	3	
1989	68	6	7	25	2	6	11	3	2	30		1		2	2
1990	33	1	3	16	1	6				8		1	3	6	

Như vậy, qua số liệu, trừ năm 1987, trong làng cũng như từng làng trong xã, xu thế chung, tương đối ổn định vẫn là một nửa endogamie, một nửa exogamie. Những số liệu này cũng chưa giúp được phần làm sáng tỏ nguyên nhân.

4. Trao đổi hôn nhân qua giao tiếp phi ngôn ngữ

Hãy thử tìm hiểu về một cặp hát quan họ: Bà Tư 58 tuổi, bà Bạn 60 tuổi. Hai bà vốn là một cặp hát nổi tiếng của làng. Ngoài việc đi hát kết chạ với làng Diềm, trước năm 1954 hai bà còn được mời lên tỉnh, lên quận hát. Bà Tư lấy người chồng thứ nhất

ở Vân Khám, làng bên, chưa có con phải bỏ nhau. Người đi hát quan họ với nhau không bao giờ lấy nhau. Hát quan họ thường hay kết với nhau, nhân dân dùng một từ rất hình tượng, rất hay là xoắn. Những người đi hát quan họ, khi lấy vợ lấy chồng, nếu không thông cảm thì gia đình dễ tan vỡ. Vân Khám không phải là đất Quan họ, cho nên chuyện tan vỡ, trong con mắt của người dân ở đây, họ cho là chuyện dĩ nhiên. Đời chồng thứ hai ở Vân Trinh cũng không thành, cho nên phải quay về làng, lấy chồng trong làng. Ông Xu cũng trải qua hai đời vợ cho nên lần thứ 3 xây dựng với bà Tư, mọi việc đều êm đẹp. Bà Bạn lấy ông Hồ, người cùng làng, tuy không biết hát, nhưng rất xoắn, cho nên không xảy ra điều gì, cho đến nay vẫn còn rất "tình" theo nhận xét của dân làng. Bà Tư và bà Bạn là hai chị em con chú con bác.

Sơ đồ 01: Quan hệ họ hàng giữa bà Tư và bà Bạn

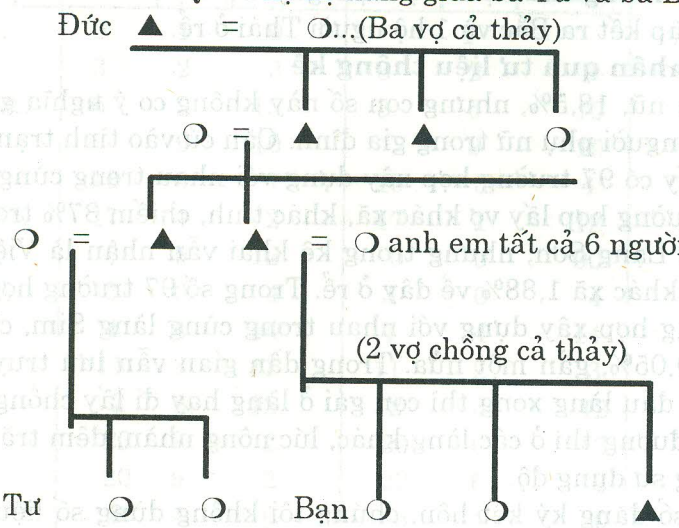

Về mối quan hệ bên chồng, giữa ông Hồ và ông Xu, ông Hồ phải gọi ông Xu là chú, gọi bà Tư là thím.

Sơ đồ 02. Mối quan hệ lệch vai về phía chồng

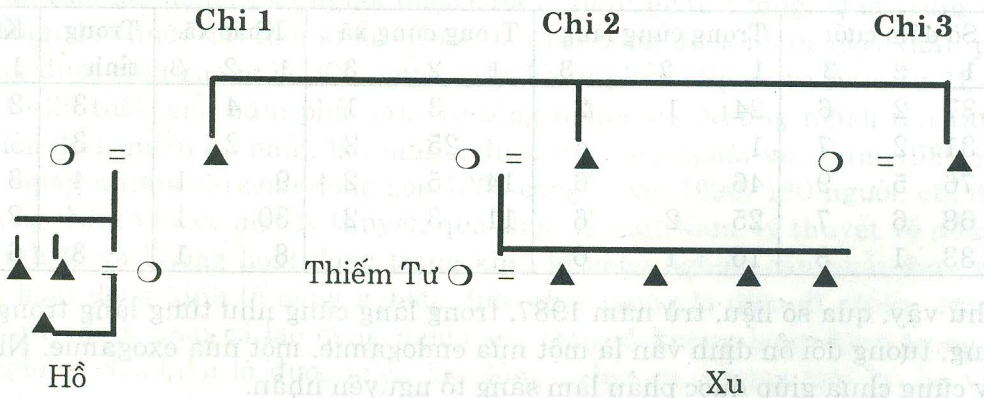

Về phía anh Nguyễn Đăng Ứng, con ông Hồ và bà Bạn, thì gọi là Tư là Già, gọi theo về phía mẹ. Nếu theo phía bố, phải gọi là bà thím. Thím là người ngoài, cho nên người ta không sử dụng cách xưng hô này. Gọi là già, trong cách xưng hô theo hệ thống, rõ ràng là bố con bằng vai nhau.

Vợ anh Ứng, Nguyễn Thị Tuyết, gọi bà Tư bằng cô. Bố chị Tuyết là ông Giao có 7 anh em bằng vai với bà Tư.

Sơ đồ 03. Mối quan hệ giữa bố vợ anh Ứng, con bà Bạn và bà Tư.

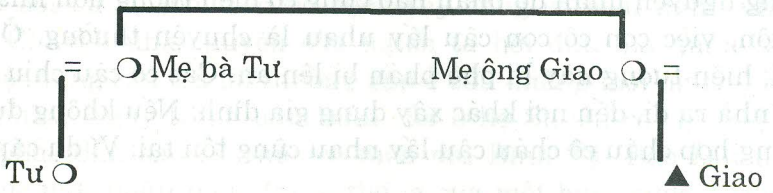

Ông Giao và bà Tư là con gì con già. Bà Tư là chị, ông Giao là cậu. Do chọn cách xưng hô về phía bố, cho gần hơn, cho nên chị Tuyết đã gọi là cô. Nhiều nơi ở miền Bắc, nếu nữ thuộc ngành trên, người ta gọi là bác thay cô, bác thay cậu nếu là nam. Tại Hoài Thị toàn dùng cách xưng hô cô và cậu, không phân biệt trưởng thứ.

Như vậy bà Tư đối với gia đình ông Hồ bà Bạn có 4 mối quan hệ:

- Đối với chồng, quan hệ thím cháu, theo thân tộc.
- Đối với vợ, quan hệ chị em, theo thân tộc.
- Đối với con trai, quan hệ dì cháu, theo thích tộc.
- Đối với con dâu, quan hệ cô cháu, vừa thân tộc và thích tộc.

Những mối quan hệ đan xen chồng chéo này đã phản ánh một thực trạng của người Việt: Bên cạnh hệ thống thân tộc còn có cả hệ thống thích tộc. Họ ngoại cũng được lưu ý đưa vào một cách hài hoà trong hệ thống. Có lẽ nên định danh là một hệ thống thân thích tộc. Mối quan hệ cũng phản ánh mặt nào đó qua cách xưng hô, đưa người ngoài vào nội tộc hay thân tộc. Ca dao:

Chồng cô vợ cậu chồng dì
Trong ba người ấy chết thì không tang.

Vì chồng cô, chồng dì thường gọi là dượng, vợ cậu được gọi là mợ, tức là những người ngoài hệ thống. Tại Hoài Thị, chữ bác lại để chỉ chồng của già, chồng của cô (chị) chữ chú được dùng để gọi chồng gì, chồng của cô (em).

Giữa bà Tư và ông Xu, đó cũng là mối quan hệ mà ca dao đã ca ngợi:

Con cậu mà lấy con cô
Thóc lúa đầy bồ, giống má nhà ta.

Ông Tiến, bố bà bà Tư có 6 anh chị em: 3 anh em trai, 3 chị em gái. Một trong những em gái của ông Tiến là mẹ ông Xu. Như vậy là ông Xu và bà Tư là anh em con cô con cậu.

Sơ đồ 04: Mối quan hệ hôn nhân con cô con cậu

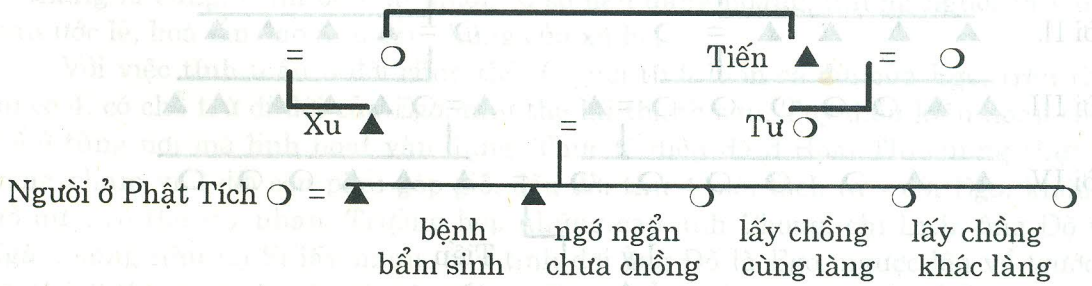

Gia đình bà Tư hiện nay có 7 người. Dư luận địa phương vẫn xì xầm vì lấy nhau theo trực hệ, quá gần cho nên sinh lắm bệnh tật. Tuy vậy người ta vẫn không bỏ. Thời

cải lương, lãng mạn khoảng những năm 1930, đề xuất việc hôn nhân tự do, người ta thường lấy ví dụ những người yêu nhau, không lấy được nhau, cho nên rộ lên phong trào tự tử giữa những cặp trai gái ấy. Dĩ nhiên nguyên nhân thì có nhiều, nhưng một trong những nguyên nhân đó phần nào cũng có hiện tượng hôn nhân đã nêu góp phần. Ở nông thôn, việc con cô con cậu lấy nhau là chuyện thường. Ở thành phố do ảnh hưởng mới, hiện tượng này bị phê phán bị lên án. Các cô cậu chịu ảnh hưởng tân tiến thường bỏ nhà ra đi, đến nơi khác xây dựng gia đình. Nếu không được thì tự tử.

Trường hợp cháu cô cháu cậu lấy nhau cũng tồn tại: Ví dụ cặp Thăng Mùi

Sơ đồ 05: Mối quan hệ hôn nhân cháu cậu cháu cô

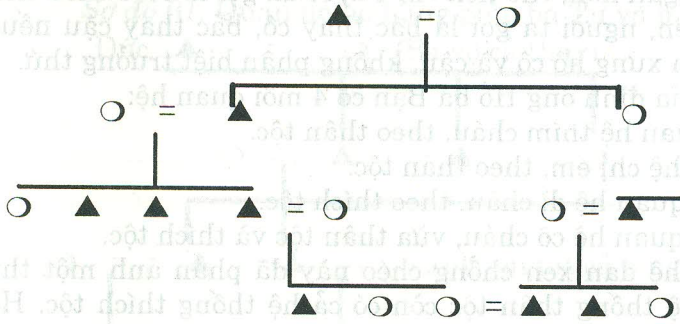

Về nhiều nguyên nhân khác thì rắc rối nhưng đối với điều này thì họ lại rất giản đơn, chỉ cần khác họ là có thể lấy nhau rồi. Hiện nay theo luật hiện hành thì hiện tượng này là phạm pháp. Người dân trong làng thường an ủi với nhau rằng, cùng họ Sĩ còn lấy nhau được, huống chi là khác họ.

Trường hợp khác họ lấy nhau, chúng tôi cũng phát hiện một ví dụ, theo bên nội rất gần, con chú con bác, đến đời thứ 3. Sang đến đời thứ 4, theo phía thích tộc lại chuyển sang quan hệ con dì con già. Trai gái đôi bên lấy nhau trở thành chuyện bình thường, đầy giây mơ rễ má.

Sơ đồ 06. Mối quan hệ hôn nhân con chú con bác sau ba đời.

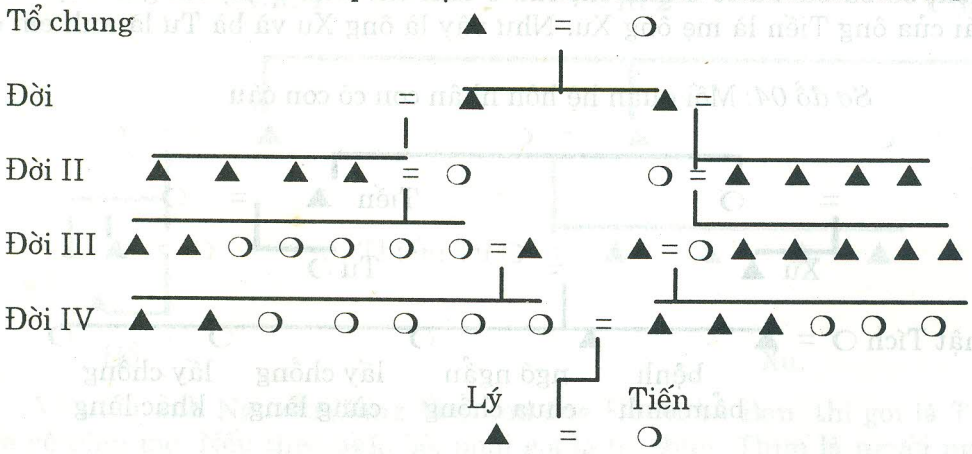

Cùng họ lấy nhau, ở Hoài Thị chỉ có họ Sĩ - Nguyễn Sĩ. Khi chúng tôi về đây gặp những cặp vợ chồng cùng họ, có đặt vấn đề thắc mắc, thì được giải thích họ Sĩ ở Sim ở 3 họ khác nhau, có thể thông gia với nhau. Dân trong làng nói chung cũng chả có ý kiến gì, duy chỉ có đôi ba cụ già trên 80 tuổi, tuy cũng có hoài nghi, nhưng không chứng minh được. Chuyện nhà chuyện cửa người ta hơi đâu mà quan tâm cho phí công. Đó chính là nội dung câu trả lời thường gặp ở cửa miệng mọi người khi chúng tôi đề cập đến chuyện này. Ngay trong bản thân của 3 họ Sĩ, chỉ có chi ông Nguyễn Sĩ Khiêm là còn gia phả. Bản sao cổ nhất có niên đại Bính Tý, Bảo Đại năm thứ 11 (1936). Bản này mục nát, phần niên đại có thể là của một bản trước đó đã rách mất. Năm 1975, ông Khiêm có sao lại, chua thêm chữ quốc ngữ cho con cháu đọc. Cái hay của bản gia phả này là có nhiều chữ nôm, ngoài phần nội tộc còn có thêm phần ngoại tộc. Mối quan hệ giữa 3 họ Sĩ qua bản gia phả này vẫn không được làm sáng tỏ nhưng có thể khẳng định chắc chắn rằng ba chi này thuộc cùng một dòng họ.

Ở Việt Nam có tục ngũ đại mai thần chủ. Đây là một hiện tượng văn hoá vay mượn mà nhiều nhà nghiên cứu đã đề cập đến. Trong phạm vi này, các gia đình còn phải góp giỗ, không được kết hôn với nhau. Ngoài giới hạn gọi là năm đời - ngũ đại- có thể thông gia với nhau. Vấn đề là hiểu về cách đến năm đời như thế nào?

Đối với người Việt, về cách ứng xử này, gọi là theo thuyết vụ lợi hay thuyết chức năng có lẽ cũng chưa thoả đáng. Chúng tôi gọi là thuyết hoà tan. Đối với cách tính tuổi, người Việt thường tính cả tuổi mụ, có nghĩa là tuổi ta hơn tuổi tây một tuổi. Những người đặt tên theo can chi có lẽ về cách tính tuổi tương đối chính xác nhất. Đây cũng có lúc chênh lệch đến 2 tuổi. Do sự chênh lệch giữa âm lịch với dương lịch, người sinh cuối năm mão sang tới năm ngọ là 4 tuổi, nhưng thực ra mới có 2 tuổi. Trước đây chưa có lệ khai sinh, khi đến tuổi vào sổ đinh, người ta hay sụt tuổi. Lúc lên lão dân làng còn hào hứng tặng thêm vài tuổi để vào hàng cụ em. Bây giờ có quy định khai sinh, nhưng lúc nào cần phải đi học, có người mới khai sinh cho con, thường là sụt tuổi. Khi đến hạn về hưu, do có khẩu phần ruộng, cho nên lại có sự sụt tuổi. Lý do rất đơn giản: 60 tuổi nam, chỉ được mượn 10 thước ruộng, còn 59 tuổi lại được nhận một suất, ba nhân khẩu.

Về việc để tang cho bố mẹ hoặc vợ để tang chồng, tục quy định là 3 năm. Ba năm trực tiết còn gì là xuân, các nhà văn hay một số nhà phong tục học cám cảnh thân phận phải chịu đựng 36 tháng. Thật ra chỉ có 24 tháng, vì sau ngày giỗ lần thứ 3 thì hết việc tang. Những người gọi là có hiếu thì thêm 3 tháng nữa. 3 năm nhưng chỉ có 27 tháng là cùng. Chín bỏ làm mười, có số liệu đàng hoàng, nhưng người ta vẫn tính toán ước lệ, hoà lẫn vào nhu cầu chung của xã hội.

Với việc tính toán 5 đời cũng thế. Có nơi tính luôn cả đời của Ego, trên thực tế chỉ có 4, có chỗ trừ đi đời của Ego, như thế lại thành sáu. Tuỳ điều kiện hoàn cảnh cụ thể ở từng nơi mà linh hoạt vận dụng. Thực tế điền dã ở Hoài Thị chứng thực rằng, trong phạm vi 3 đời còn phải góp giỗ, đến đời thứ 4 mới tách ra - đời Ego, không góp giỗ nữa, có thể lấy nhau. Trường hợp những cặp anh Phong, chị Lịch, ông Độ và bà Ngà... cũng như họ Sĩ lấy nhau, nếu tính đời ông Độ là Ego, ngược lên về trước, đến đời thứ 3 thì phân chi, đời thứ 5 cũng một ông tổ. Cách tính ngũ đại ở Hoài Thị thuộc phong cách tìm gộp luôn cả Ego thành 5 đời.

Sơ đồ 07. Cách tính 5 đời

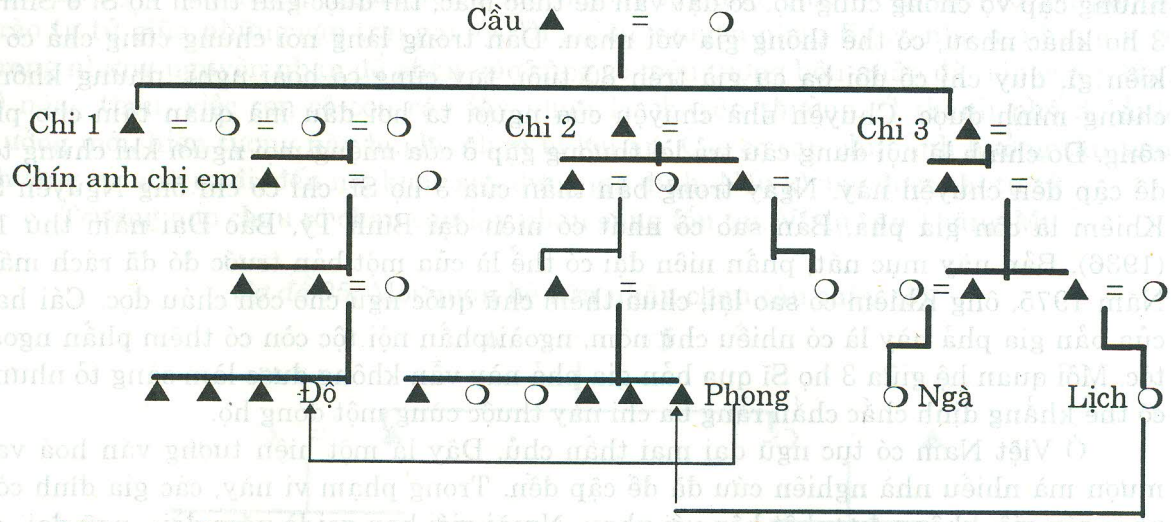

Như vậy, là các cặp này, trong quá trình phát triển trải qua 4 đời (trừ ego) cho đến đời thứ 5, họ có thể cùng nhau dựng vợ gả chồng. Trường hợp Phong, Lịch, giúp mọi người thấy rõ đây là chi 2 chỉ kết hôn với chi 3, trường hợp Độ Ngà là chi 1 kết hôn với chi 3. Chi anh thuộc về phái nam. Đây là trường hợp bằng vai thông gia với nhau.

5. Những thay đổi thích ứng cốt đảm bảo cơ cấu

Trong một làng, với sự đan xen chồng chéo, chịu sự bó buộc về không gian, với số lượng có hạn của các thành viên cho nên họ phải chấp nhận những sự vượt khung để đảm bảo lấy hệ thống.

a. Cách thứ nhất là chấp nhận mọi sự lệch vai để giữ lấy sự cân bằng. Vai nam hàng trên có thể lấy vai nữ hàng dưới. Hiện tượng này cũng đã gặp ở nhiều nơi. Ở Hoài Thị cũng thế, không ngoài quy luật chung. Bên cạnh đó chấp nhận ngược hẳn lại. vai nữ ở hàng trên có thể kết hôn với vai nam ở hàng dưới. Đơn cử qua vài ví dụ ở gia đình mẹ Bà Lịch. Bà có 8 chị em, một trai 7 gái, gọi theo thứ tự Hai, Ba, Bốn.... Bảy. Mẹ bà Lịch thứ Ba, vợ hai ông Tích, cho nên gọi là bà Ba, chắc là sợ nhầm lẫn, gọi theo tên là bà Nhật, hoặc theo tên con trai, là bà Cư.

Sơ đồ 08- Hôn nhân theo sự chênh lệch vai cháu dì, con dì

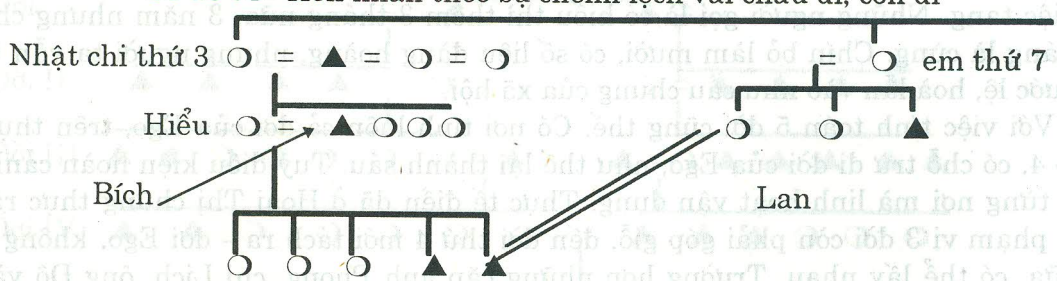

Ông Bích gọi bà Nhật là mẹ. Bà Hiểu với mẹ Lan bằng vai. Anh Thoa con bà Hiểu lấy chị La, tức là lấy vai trên, cháu dì lấy con dì. Trường hợp này vẫn còn hơi xa, vì bà Hiểu không phải là con đẻ của bà Nhật.

Trường hợp anh Đồng anh An hàng cháu. Đây là mối quan hệ giữa con dì, con

già và cháu dì cháu già. Anh An gọi anh Đồng bằng cậu.

Bà Hiệp bằng vai bà Tam (hai) (vợ ông Nghinh gọi bà Tam bằng chị).

Bà San là bậc con, gọi anh An là anh, nhưng thực ra anh An là con rể; mối quan hệ hai mẹ vợ chàng rể. Bà San là bậc con đối với bà Tam, trở thành sui gia với bà Tam. Vợ ông Nghinh thứ hai, tại sao gọi Tam, nghĩa là ba, thì chưa rõ.

Bà Hiệp bằng vai với anh Đồng, gọi anh Đồng bằng anh. Bà San như thế là bậc con gọi anh Đồng bằng cậu. Anh Đồng như thế là cậu của anh An, cũng là cậu của San. Anh Đồng lấy con gái thứ hai nhà bà San. Cậu lấy cháu và trở thành em rể của An.

Các quan hệ này được đan xen với các quan hệ xã hội. Hãy thử xét mối quan hệ giữa thôn trưởng và chủ tịch xã. Nguyễn Đăng Ứng và Nguyễn Sĩ Đồng. Bên ngoài thì đó là hai người thuộc hai họ khác nhau. Mẹ anh Đồng là bà Năm, em bà Bốn. Bà Bốn là vợ hai, mẹ bà Bạn là vợ chính. Bà Bạn gọi bà Bốn bằng dì. Về phía mẹ, anh Ứng gọi anh Đồng bằng cậu. Về phía vợ. Anh Đồng lấy con ông Bảy, em ruột bố vợ anh Ứng cho nên anh Ứng gọi anh Đồng là em.

Sự đan xen giữa các mối quan hệ thân thích tộc và các mối quan hệ xã hội, trong thời kỳ chiến tranh ác liệt đã có một tác dụng tích cực, rất tự nhiên, gần như vô thức. Sang thời kỳ hoà bình nhiều người còn say sưa với thắng lợi, vẫn chỉ thấy mặt ưu điểm, do đó, đối với các làng họ đã gây ra nhiều tiêu cực. Thứ hai là với lối làm việc, trên danh nghĩa là theo lý thuyết giai cấp, trên thực tế lại theo chủ nghĩa lý lịch, tạo nên nhiều kẽ hở cho kẻ xấu và cả những người tuy có lòng tốt, nhưng lại chưa hiểu quan hệ họ hàng về làng họ, lợi dụng hoặc bị kẻ khác lợi dụng. Thứ ba là dưới lớp vỏ xã hội, những kẻ lợi dụng đã hoà tan các quan hệ xã hội, tạo nên những hiện tượng con cháu các cụ cả, chị bộ họ ta, uỷ ban họ ta.

Sơ đồ 09: Hôn nhân theo sự lệch vai, con thành sui gia

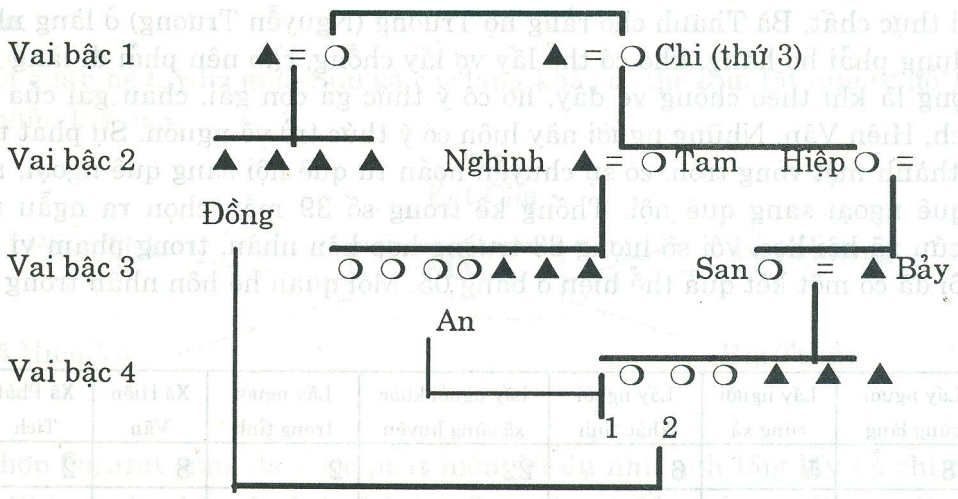

b. Cách thứ hai là tục ở rể. ở Hoài Thị có thể phân ra 2 loại:

+ Loại thứ nhất thuộc về những người đi lấy chồng thiên hạ, nhưng chồng lại theo ở tại làng, làng cấp đất ruộng. Những họ mới này sẽ góp phần thay đổi quan hệ hôn nhân giữa các dòng họ.

+ Loại thứ hai là tục ở rể phổ biến ở nhiều nơi khi nhà nào đó không có con trai. Điểm khác của Hoài Thị là tục rước rể. Ví dụ như anh chị Quyển Lan. Ông bà Thế Trà có 4 trai, 2 gái, vì vậy đồng ý cho anh Quyển về ở nhà vợ. Đám cưới được tổ chức bình thường, đủ mọi lệ bộ, rước dâu về nhà trai. Đến chiều tối họ nhà gái, tất nhiên trừ bố mẹ, sửa một lễ sang nhà trai xin phép rước rể về.

Trước năm 1945 làng chỉ có 4 giáp: Giáp Đương, vì kiêng chữ Đông, thuộc họ Sỹ, giáp Tây thuộc họ Đăng, họ Viết, giáp Nam thuộc họ Văn, họ Ngô, giáp Bắc, ít nhất, thuộc họ Văn. Tình hình hiện nay vẫn chưa có gì thay đổi căn bản về dòng họ: họ Sỹ vẫn là họ nhiều nhất làng, trước là 3 họ, nay họ đã biết chỉ là 3 chi của một họ. Sự bổ sung không có gì đáng kể; thêm họ Thái, họ Văn và họ Nguyễn không có chữ đệm. Ba họ Văn khác: 58 hộ, bằng họ Sĩ. Họ Đăng 32 hộ, họ Viết 8 hộ, 2 hộ Nguyễn không có đệm, loại 1 hộ: họ Thái và họ Ngô.

c. Cách thứ 3 là đi lấy vợ khác làng. Có mấy trường hợp như sau:

+ Lấy vợ cùng xã. Thực ra cũng chỉ trong phạm vi 3 làng Bịu, nhưng đông nhất là Hoài Thượng. Người họ Đăng vẫn tự nhận mình là hậu duệ của Trạng Bịu Nguyễn Đăng Đạo (1651-1719), đỗ năm 1683. Hoài Thượng còn nhà từ đường, hiện nay tỉnh đang biến thành nhà thờ danh nhân văn hoá. Trước năm 1945 người Hoài Thị vẫn thường đi xuống làm thuê cho người Hoài Thượng.

+ Lấy vợ khác huyện, khác tỉnh thường rơi vào số cán bộ thoát ly: 3 người lấy vợ Hà Nội, 2 người nữa lấy vợ Gia Lâm, nay thuộc Hà Nội, nhưng trong ý thức của dân vẫn như người cùng tỉnh, 2 người lấy vợ Lạng Sơn trong đó có 1 người lấy vợ là người Tày.

Trường hợp lấy vợ khác xã trong cùng huyện có nhiều lý thú, thường là tập trung vào 2 xã Phật Tích và Hiên Vân. Chúng tôi cũng đã hỏi thăm những người lấy chồng thiên hạ này, 47 trường hợp. Chỉ có bà Thanh vợ ông Chẩn, người Hiên Vân và bà Nấm, vợ ông Thường, người Nghĩa Chỉ, là có câu trả lời, mà chúng tôi cho rằng đúng với thực chất. Bà Thanh cho rằng họ Trương (Nguyễn Trương) ở làng nhiều, vào ra đều đụng phải họ hàng, khó có thể lấy vợ lấy chồng, cho nên phải đi làng khác. Có hiện tượng là khi theo chồng về đây, họ có ý thức gả con gái, cháu gái của mình về Phật Tích, Hiên Vân. Những người này luôn có ý thức trở về nguồn. Sự phát triển như thế tạo thành một vòng tròn, có sự chuyển hoán từ quê nội sang quê ngoại, rồi ngược lại, từ quê ngoại sang quê nội. Thống kê trong số 39 mẫu chọn ra ngẫu nhiên để nghiên cứu xã hội học, với số lượng 83 trường hợp hôn nhân, trong phạm vi 2 - 3 đời chúng tôi đã có một kết quả thể hiện ở bảng 05. Mối quan hệ hôn nhân trong và ngoài làng.

Số lượng	Lấy người cùng làng	Lấy người cùng xã	Lấy người khác tỉnh	Lấy người khác xã cùng huyện	Lấy người trong tỉnh	Xã Hiên Vân	Xã Phật Tích	Hoài Trung
83	48	5	6	22	2	8	2	3
100%	57,8	6,02	7,23	26,51	2,41	9.64	2,41	3,61

So sánh với kết quả nghiên cứu qua sổ hộ khẩu, số những người lấy vợ khác xã, tỉnh là 36,41% chỉ kém 1% không đáng kể, tỷ lệ những người lấy vợ trong cùng làng có tăng hơn. Điều cần chú ý là những đám kết hôn trong cùng xã, người Hoài Trung đông

hơn. Những người lấy vợ ở Hiên Vân và Phật Tích cũng chưa phản ánh đúng thực trạng của làng. Chúng tôi sẽ nêu thêm 2 tư liệu điều tra Dân tộc học để tham khảo.

Sơ đồ 10. Trường hợp lấy vợ ở Phật Tích.

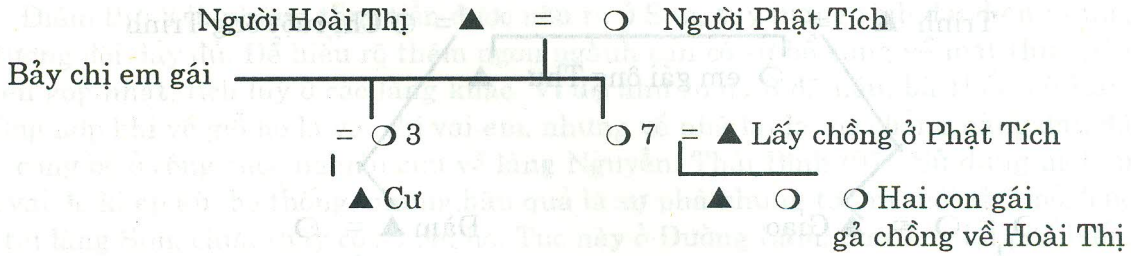

Anh Cư ở nhà đã định nhăm nhe lấy cho một cô vợ ở Phật Tích. Thời gian đi bộ đội ở Đáp Cầu, đã lấy vợ tại địa phương mình đóng quân.

Sơ đồ 11: Trường hợp lấy vợ Hiên Vân

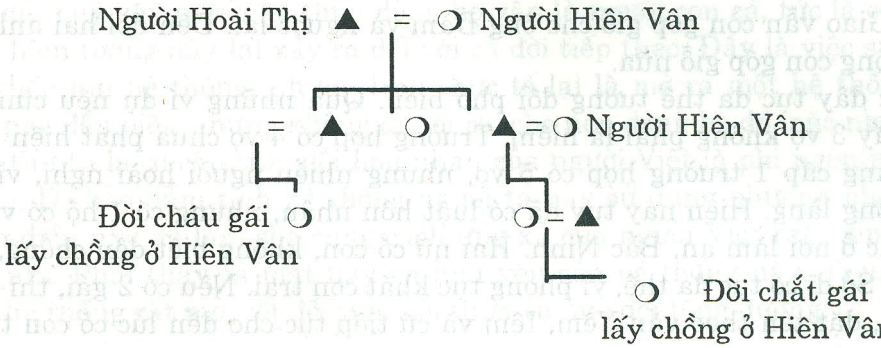

Cụ Tú về làm dâu Sim đã cho con trai, cháu gái và chắt gái lấy vợ gả chồng ở Hiên Vân.

Mối quan hệ tay ba giữa Sim và các làng khác có thể tóm tắt qua sơ đồ 12. Quan hệ hôn nhân tay ba.

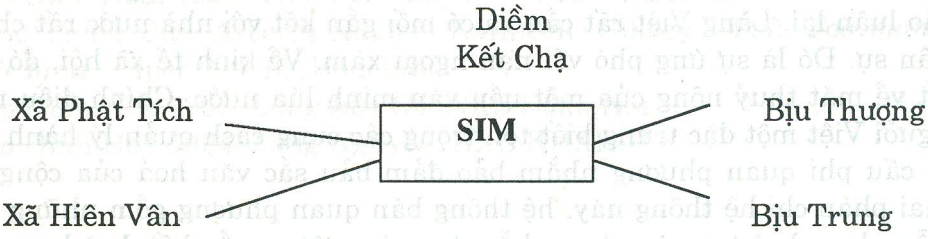

Trường hợp Sorarat cũng đã được phát hiện. Ví dụ như anh Ứng lấy bà chị được một con gái. Chị này bị chết vì bệnh chó dại. Sau đó anh Ứng lấy người em gái, được hai con trai, một con gái. Hiện tượng này còn phổ biến ở Việt Nam.

Việc đổi con cho nhau, thông gia kép, cũng đã xảy ra. Trước đây có 2, hiện nay không thấy. Cử ra đây một ví dụ.

Sơ đồ 13. Đổi con: dâu và rể.

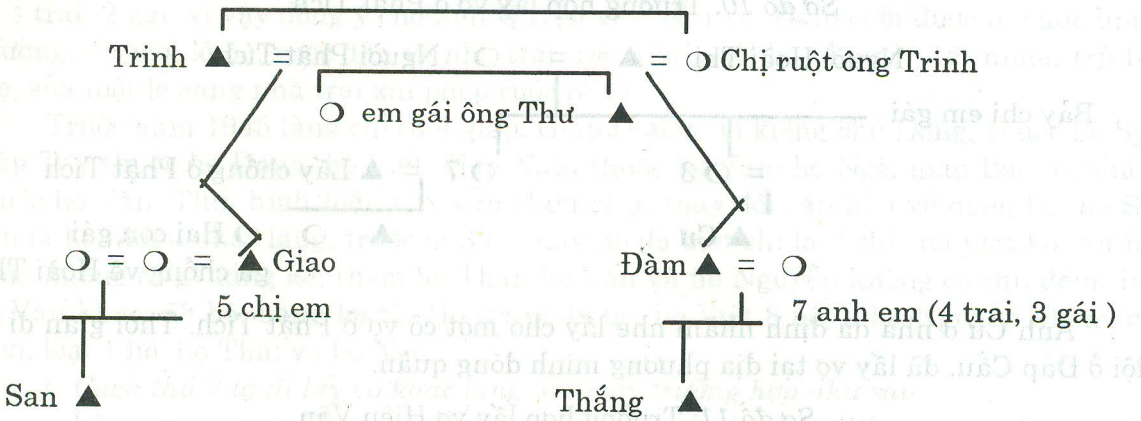

Ông Giao vẫn còn góp giỗ cho ông Đàm và ngược lại. Đến đời hai anh Thắng và San thì không còn góp giỗ nữa.

Trước đây tục đa thê tương đối phổ biến. Qua những ví dụ nêu cũng chứng tỏ rằng việc lấy 3 vợ không phải là hiếm. Trường hợp có 4 vợ chưa phát hiện được. Cũng có người cung cấp 1 trường hợp có 5 vợ, nhưng nhiều người hoài nghi, vì 3 vợ khác không ở trong làng. Hiện nay tuy đã có luật hôn nhân, nhưng có 1 hộ có vợ ở làng và một vợ khác ở nơi làm ăn, Bắc Ninh. Hai nữ có con, không biết đến chồng, một người đã tách hộ. Sở dĩ có tục đa thê, vì phong tục khát con trai. Nếu có 2 gái, thì con gái thứ 3 phải yểm, đặt tên theo vần Yêm, Iêm và cứ tiếp tục cho đến lúc có con trai: Thiêm, Xiêm, Liêm...

6. Vài nhận xét thay cho kết luận

Điểm thứ nhất có thể nêu ra là văn hoá cơ cấu của người Việt là một hệ thống rất chặt chẽ, gồm 3 phân chi. Hệ thống cơ cấu quản lý phản ánh mối quan hệ làng nước. Nhiều nhà nghiên cứu thường quan niệm rằng hệ thống quản lý làng xã của người Việt là một hệ thống đóng kín, gần như độc lập với trung ương. Nhận xét này cần được thảo luận lại. Làng Việt rất cần và có mối gắn kết với nhà nước rất chặt. Về chính trị quân sự. Đó là sự ứng phó với nạn ngoại xâm. Về kinh tế xã hội, đó là yêu cầu cấp thiết về mặt thuỷ nông của một nền văn minh lúa nước. Chính điều này đã tạo ra cho người Việt một đặc trưng biết tôn trọng các cung cách quản lý hành chính. Hệ thống cơ cấu phi quan phương nhằm bảo đảm bản sắc văn hoá của cộng đồng. Đứng giữa hai phân chi hệ thống này, hệ thống bán quan phương gồm những cơ cấu thâm nhập lẫn nhau, hoà tan vào nhau nhằm tạo nên một sự gắn kết, hoà hợp.

Điểm thứ hai là những điều được nêu ra qua thực tiễn ở làng Sim là một thực thể đơn lẻ hay là mang tính đại diện, đại biểu. Thực tế điều tra điền dã ở nhiều làng, trong nhiều năm, ở các tỉnh phía Bắc (04-05), cũng như ở phía nam (06) đã chứng tỏ, sự liên kết qua trao đổi hôn nhân như đã nêu là một điều phổ biến, mang tính quy luật. Sự thể hiện qua thực tế ở Sim là tương đối đầy đủ nhất. Đây là sự giao tiếp phi ngôn ngữ, vì người ta chỉ làm mà không nói. Những nhà lý thuyết về công xã nông thôn, nhiều khi thấy mối quan hệ bán anh em xa mua láng giềng gần, nhưng chưa

thấy được những uẩn khúc, những tế nhị ở bên trong. Người ta không nói, vì nếu cứ theo điều tra dân tộc học rất tỉ mỉ, cụ thể, hoá ra lại là chuyện phạm luật hôn nhân. Người ta không nói ra vì đây còn là mối quan hệ tối lửa tắt đèn có nhau.

Điểm thứ 3 là những thực tiễn được nêu ra ở Sim, tuy mang tính đại diện nhưng chỉ tương đối đầy đủ. Để hiểu rõ thêm ngọn ngành cần có sự bổ sung về mặt thực tiễn tư liệu góp nhặt, tích luỹ ở các làng khác. Ví dụ như sơ đồ 8 đã nêu, bà Hiểu bà Lan. Trường hợp khi về giỗ họ là vai chị vai em, nhưng về nhà lại là mẹ chồng nàng dâu đã được công bố ở công cuộc nghiên cứu về làng Nguyễn, Thái Bình (07). Sử dụng một sự lệch vai để khép kín hệ thống, nhưng hậu quả là sự phá khung tạo ra một thế mở. Tục ở rể tại làng Sim, chưa thấy có sự đổi họ. Tục này ở Đường Lâm, Sơn Tây lại phổ biến, với sự tồn tại của các loại họ Bậu, họ Bạ. Bậu Bạ là những họ chỉ trùng hợp nhau trên danh nghĩa, không có quan hệ huyết thống. Có những nơi để khép kín hệ thống, người ta còn sử dụng con nuôi làm người kế thừa trực tiếp của dòng họ. Làng Cự Khối, Gia Lâm, khi gia đình không có con trai thừa tự, người ta nuôi con nuôi. Sau đó gia đình mới có con đẻ. Tuy vậy người kế thừa dòng họ vẫn là người con cả, tức là con nuôi. Có trường hợp hiện tượng này lại xảy ra đối với cả đời tiếp theo. Đây là việc sử dụng một yếu tố để khép kín hệ thống, nhưng trên thực tế lại là mở ra một hệ thống dòng họ mới. Mọi người đều biết, nhưng không ai nói ra, cho nên dòng họ đó mặc nhiên tồn tại.

Điểm thứ tư là cơ cấu trao đổi hôn nhân của người Việt là phi ngôn ngữ cho nên rất chặt chẽ. Để bảo đảm tính hệ thống người ta hay sử dụng phương pháp lệch vai. Cũng chính điều này đã làm cho cung cách ứng xử của người Việt rất mềm mại, uyển chuyển, tế nhị. Phải thấy cả mặt hay và mặt yếu của hệ thống này. Trên thực chất, đây là một hệ thống rất mở, cốt để có người thừa tự, nối dõi tông đường.

Chú thích

1. Đỗ Tất Lợi, 1986. *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam,* NXB KHKT. H.
2. Tư liệu do ông Nguyễn Văn Thương cung cấp.
3. Không dùng tư liệu do Nguyễn Văn Thường cung cấp, người quản lý ruộng đất hiện nay của xã.
4. Diệp Đình Hoa, 1990. *Tìm hiểu làng Việt* NXB KHXH.H
5. Lê Trọng Cúc, A.Terry Rambo, Kathleen, Gillogy. 1993. *Too many people, too little land.* Paper. N0-15. Honolulu.
6. Diệp Đình Hoa 1995. *Làng Bến Gỗ.* NXB Đồng Nai.
7. Diệp Đình Hoa 1994. *Làng Nguyễn,* NXB KHXH.H